***Ngày soạn:***

***Ngày dạy*:**

**Tuần 17- Tiết 64:**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp Tiếng Việt đã học ở học ở

Học kì I.

**2.** **Kỹ năng:**

- Nhận biết và vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học ở HKI.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục ý thức ôn tập, củng cố kiến thức thường xuyên, cập nhật.

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, hợp tác, - Năng lực riêng: sử dụng ngôn ngữ, thưởng thức, cảm thụ văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ:**

**1. Giáo viên:** Sgk, sgv, giáo án.

**2. Học sinh:** Soạn bài theo câu hỏi(SGK).

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức: (1 phút)**

**2. Kiểm tra: lồng ghép trong tiết dạy**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **HĐ của trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| 1. **Hoạt động khởi động (3 phút)** | | |
| - Cho HS chơi trò chơi lật ô chữ.  - Luật chơi: Chia lớp thành bốn nhóm (Theo tổ). Các nhóm lần lượt cử đại diện lên trả lời các câu hỏi để lật ô chữ hàng ngang. Nhóm nào trả lời được nhiều ô hàng ngang nhất hoặc nhóm có tín hiệu trả lời ô từ khóa hàng dọc trước nhất là nhóm thắng cuộc. | **-** Các nhóm chơi dưới sự hướng dẫn của người quản trò | - Trả lời đúng câu hỏi lật được các ô chữ. |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức mới (10 phút)** | | |
| **B. HĐ hình thành kiến thức mới (10’)**  - Gv cung cấp bảng phụ ghi các kiến thức đã học có thể khuyết phần tên hoặc nội dung để hs quan sát và điền . | - Quan sát và điền những ô thiếu. | **I. Lí thuyết** : |

BẢNG THỐNG KÊ.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tên kiến thức** | | | **Nội dung** | |
| 1 | Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ | | | *- Nghĩa của từ ngữ có thể rộng hoặc hẹp nghĩa của từ ngữ khác.*  *- Một từ ngữ có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của nó bao hàm pvi nghĩa của từ nhữ khác.- Một từ ngữ có nghĩa hẹp khi pvi nghĩa của nó bị bao hàm trong pvi nghĩa của từ ngữ khác.*  *- Một từ vừa có nghĩa rộng, vừa có nghĩa hẹp.* | |
| 2 | Trường từ vựng | | | *- Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.* | |
| 3 | Từ tượng hình | | | *- Từ gợi tả hình ảnh, âm thanh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.* | |
| 4 | Từ tượng thanh | | | *- Từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người.* | |
| 5 | Từ ngữ địa phương | | | *-- Từ ngữ chỉ sử dụng ở một địa phương nhất định.* | |
| 6 | Biệt ngữ xã hội | | | *- Từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định* | |
| 7 | Trợ từ | | | *- Những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó* | |
| 8 | Thán từ | | | *- Từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi, đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.* | |
| 9 | Tình thái từ | | | *- Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.* | |
| 10 | Nói quá | | | *- Biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm* | |
| 11 | Nói giảm, nói tránh | | | *- Biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, thô tục, thiếu lịch sự.* | |
| 12 | Câu ghép | | | *- Là câu do hai hay nhiều cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C - V được gọi là một vế.*  *- Giữa các vế được nối với nhau bởi 1 qht, 1 cặp qht, 1 cặp phó từ, đại từ, chỉ từ hô ứng hoặc ngăn cách bằng dấu phẩy.* | |
| 1. **Hoạt động thực hành (28 phút)** | | | | | |
| ? Hãy điền từ ngữ thích hợp vào ô trống.  ? Tìm trong ca dao 2 VD về biện pháp tu từ *nói giảm nói tránh* hoặc *nói quá.*  ? Đặt câu có dùng từ tượng hình, từ tượng thanh, một câu có dùng trợ từ thán từ?  Đọc đoạn trích và xác định câu ghép?  ? Xác định câu ghép và cách nối các vế câu trong đoạn trích? | | HS làm bài.  HS làm bài.  HS làm bài.  HS làm bài.  HS làm bài. | | | ***Bài 1***.  - Truyện dân gian: *truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười.*  - Từ ngữ chung: *truyện dân gian*.  ***Bài 2****.*  - Biện pháp tu từ nói quá:  *Tiếng đồn cha mẹ em hiền,*  *Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ đôi.*  - Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh:  *Dòng sông bên lở bên bồi,*  *Cha mẹ em lở anh hồi biết chưa.*  ***Bài 3:***  - Hà Nội bây giờ không còn tiếng chuông tàu điện *leng keng*.  - Tà áo dài góp phần làm cho dáng vóc của người phụ nữ Việt Nam trở nên *thướt tha* hơn.  - Trợ từ, thán từ: Cuốn sách hay như vậy mà *chỉ* 17 000 đ *à* ?  ***Bài 4 (b)***:  - Câu 1 là câu ghép. Có thể tách thành 3 câu đơn song mối liên hệ, sự liên tục của 3 sự việc không được thể hiện rõ bằng khi gộp thành câu ghép.  ***Bài 5 (c):***  - Câu 1, 3 là câu ghép.  - Trong cả hai câu ghép, các vế câu đều được  nối với nhau bằng qht: cũng như, bởi vì. |
| **D. Hoạt động vận dụng (2 phút)** | | | | | |
| Sưu tầm các bài viết thuyết minh đặc sắc về 1 tác phẩm văn học | | Ghi chép | | |  |
| ***E.Hoạt động tìm tòi, mở rộng (1 phút)*** | | | | | |
| Chuẩn bị: ***"Ôn tập phần Văn"*** | | | Ghi chép | |  |

***\* Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………